

## HAI NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

**Tổ Công tác Chiến lược<sup>1</sup>**  
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

---

### **Tóm tắt:**

*Hoạt động triển khai thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 gần 2 năm qua của Bộ KH&CN, các bộ ngành và địa phương trong cả nước đã mang lại những kết quả bước đầu. Nhiều cơ chế, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đổi mới cơ chế chính sách đã được xây dựng và ban hành, các chương trình quốc gia về KH&CN để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và định hướng công nghệ ưu tiên được khởi động; các hoạt động KH&CN tại các bộ, ngành và địa phương đang tập trung hướng vào việc thực hiện các mục tiêu của Chiến lược. Tuy nhiên, khó khăn và thách thức vẫn còn ở phía trước.*

*Từ khóa:* Khoa học và công nghệ; Chiến lược phát triển.

*Mã số:* 14031201

### **1. Quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020**

#### **1.1. Bối cảnh triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020**

Chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2020 do Đại hội Đảng XI thông qua đã coi phát triển KH&CN cùng với giáo dục và đào tạo là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. KH&CN phải đóng vai trò chủ đạo để tạo bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để định hướng phát triển KH&CN theo sát với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 (sau đây gọi tắt là Chiến lược). Chiến lược đã xác định rõ các mục tiêu, lộ trình phát triển, các hướng KH&CN ưu tiên của Việt Nam trong giai đoạn dài hạn 10 năm, đó là những cơ sở quan trọng

---

<sup>1</sup> Tổ công tác Chiến lược được thành lập theo Quyết định số 119/QĐ-CLCS ngày 04/9/2013 nhằm giúp việc cho Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020.

để Bộ KH&CN và các bộ, ngành, địa phương hoạch định các kế hoạch phát triển KH&CN trung hạn và hàng năm.

Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 được triển khai thực hiện trong bối cảnh thuận lợi do có sự lồng ghép nội dung Chiến lược với nội dung triển khai các chủ trương, đường lối phát triển KH&CN và các quy định mới của Luật KH&CN mới được Đảng và Chính phủ ký thông qua, như:

- Nghị quyết số 20-NQ/TW về Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế được thông qua tại Hội nghị Trung ương 6, khóa XI ngày 01/11/2012; và Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ thông qua Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20- NQ/TW đã phân công cụ thể trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết số 20- NQ/TW.
- Luật KH&CN sửa đổi (Luật số 29/2013/QH13) được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2013 đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng và tạo hành lang pháp lý cho việc đổi mới cơ chế, chính sách phát triển KH&CN.

### ***1.2. Quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020***

Về phía Bộ KH&CN, thực hiện nhiệm vụ là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược, tháng 3/2013, Bộ KH&CN đã tổ chức *Hội nghị toàn quốc quán triệt triển khai Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020* để phổ biến kế hoạch triển khai Chiến lược trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW (Hội nghị Trung ương 6 khóa XI) về KH&CN; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức hội nghị, hội thảo, thông tin báo chí, internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác,...

Tiếp đó, Bộ KH&CN cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược do Bộ trưởng làm Trưởng Ban và giao Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN làm cơ quan thường trực triển khai Chiến lược để thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược ở các bộ, ngành và địa phương.

Để có thể lồng ghép việc triển khai nhiệm vụ của Chiến lược với các nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Chính phủ ban hành theo Nghị quyết số 46/NQ-CP và Luật KH&CN năm 2013, Bộ KH&CN đã xây dựng kế hoạch hành động chung (Quyết định số 2404/QĐ-BKH&CN, ngày 05/08/2013) lồng ghép các nội dung thực hiện thành 32 nhiệm vụ cần triển

khai và giao cho các đơn vị trong Bộ KH&CN thực hiện. Đồng thời, để có thể thường xuyên đo lường các chỉ tiêu định lượng nêu trong Chiến lược, Bộ KH&CN cũng đã giao cho các đơn vị có liên quan nhanh chóng triển khai thực hiện 15 nhiệm vụ xây dựng phương pháp tính toán và đo lường các chỉ tiêu định lượng.

Về phía các bộ, ngành và địa phương, qua gần 2 năm triển khai, tính đến 31/12/2013, đã có 63/63 địa phương và 21 bộ, ngành báo cáo tình hình 2 năm triển khai thực hiện Chiến lược và Nghị quyết số 46/NQ-CP. Trong số đó có 41 địa phương có kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TW và Nghị quyết số 46/NQ-CP, 49 địa phương và 4 bộ ngành có văn bản chỉ đạo hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Chiến lược KH&CN. Việc hướng dẫn ở các bộ, ngành và địa phương tập trung cụ thể hóa nội dung Chiến lược vào kế hoạch, chương trình công tác hàng năm, triển khai việc đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cũng như chỉ đạo việc ứng dụng kết quả KH&CN trong ngành, lĩnh vực và địa phương mình. Đặc biệt, một số bộ, ngành đã tổ chức xây dựng chiến lược phát triển KH&CN cụ thể cho bộ, ngành mình.

## **2. Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ**

### **2.1. Về việc tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ**

Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN được xác định là khâu đột phá nhằm thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả của KH&CN. Theo đó, các nội dung trọng tâm về đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động KH&CN, về xã hội hóa nguồn đầu tư cho KH&CN, về nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, về trọng dụng cán bộ đã được thiết kế và lồng ghép đồng bộ, nhất quán trong các dự thảo văn bản: Luật KH&CN năm 2013, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN, Nghị định về đầu tư và tài chính cho KH&CN, Nghị định về Quỹ phát triển KH&CN, Nghị định về sử dụng và trọng dụng cán bộ,... đã được Bộ KH&CN tổ chức xây dựng và trình Chính phủ trong năm 2013. Tháng 11/2013, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ký ban hành Chương trình phát triển thị trường KH&CN, đây là nhiệm vụ quan trọng đã được hoàn thành về cơ bản. Tính đến tháng 3/2014 đã trình 7 nghị định, nghị quyết của Chính phủ, 9 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 27 thông tư được xem xét và chính thức ban hành, 14 đề án khác đang chờ ban hành, 8 văn bản quy phạm pháp luật đang được xây dựng.

## **2.2. Về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành**

Song song với việc đổi mới cơ chế, chính sách, Bộ KH&CN đã tập trung các nguồn lực để tổ chức thực hiện các chương trình, đề án KH&CN quốc gia như: Chương trình sản phẩm trọng điểm Quốc gia, Chương trình đổi mới công nghệ, Chương trình phát triển công nghệ cao, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, Chương trình KH&CN phục vụ phát triển nông thôn, miền núi, Chương trình nâng suất chất lượng và gần đây nhất là Chương trình phát triển thị trường KH&CN,...

Công tác xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu của các bộ, ngành và địa phương đã được tiến hành chủ động hơn, gắn nhiều hơn với trách nhiệm người đứng đầu. Do vậy, các nhiệm vụ nghiên cứu đã có trọng tâm hơn, giảm về số lượng, chú trọng chất lượng và ưu tiên đặt hàng đối với các nhiệm vụ có tính chất đột phá. Phương thức thực hiện chủ yếu là thông qua tuyển chọn. Việc đặt hàng của các bộ, ngành và địa phương dựa trên yêu cầu kết hợp giải quyết các nhiệm vụ cấp bách trước mắt, có chú ý tới các nhiệm vụ trung hạn và dài hạn.

Kết quả là, thời gian qua đã có những thay đổi về chất trong hoạt động KH&CN. Số công bố quốc tế hàng năm (từ năm 2006 đến 2012) đã có tốc độ tăng khoảng 20%<sup>2</sup>. Nhiều kết quả nghiên cứu KH&CN nổi bật trong các năm 2011-2013 được xã hội đánh giá cao, trong đó, điển hình là các công trình như: Giàn khoan tự nâng 90m nước (năm 2011)<sup>3</sup>; Phương pháp phẫu thuật nội soi ổ bụng và ghép gan người lớn (2012)<sup>4</sup>; Giải mã hệ gen 36 giống lúa<sup>5</sup> bản địa Việt Nam và Chế tạo vệ tinh siêu nhỏ (năm 2013)<sup>6</sup>;...

Ngoài các kết quả hoạt động KH&CN cụ thể được thừa nhận, chỉ số TFP - thước đo tổng quát được quốc tế sử dụng để đánh giá sự thay đổi về chất các yếu tố nguồn lực và thể hiện sự đóng góp của tiến bộ KH&CN vào tăng trưởng (của giai đoạn 2011-2013) là 17,91%, riêng năm 2013 đạt 30,87%<sup>7</sup>. Với TFP khoảng 20%, năm 2013 có thể là năm mở đầu cho giai đoạn phát

<sup>2</sup> Thống kê và xếp hạng của tổ chức SCOPUS, Châu Âu (nguồn [www.scimagojr.com](http://www.scimagojr.com)). Năm 2011 có 2.215 công bố và năm 2012 là 2.836, xếp thứ 52/226 và 59/225 quốc gia. Còn theo Theo thống kê của Thomson Reuters (Web of knowledge, truy cập ngày 20/12/2013), số lượng công bố quốc tế của Việt Nam năm 2012 là 1.924 bài, xếp thứ 4 Đông Nam Á (sau Singapo, Malaysia, Thái Lan) và thứ 60 trên thế giới; năm 2013 (tính đến 20/12/2013) là 2.005 bài, xếp thứ 4 Đông Nam Á (sau Singapo, Malaysia, Thái Lan), xếp thứ 56 trên thế giới.

<sup>3</sup> Đây là giàn khoan đầu tiên của Việt Nam đạt tới độ sâu 90m nước, do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sở hữu. Việt Nam hiện nay là quốc gia thuộc top 3 khu vực châu Á và top 10 thế giới sở hữu giàn khoan có chất lượng.

<sup>4</sup> Bệnh viện 103 Hà Nội và Bệnh viện Chợ rẫy TP. Hồ Chí Minh thực hiện.

<sup>5</sup> Viện Di truyền Nông nghiệp (Việt Nam) và Trung tâm nghiên cứu và phân tích hệ gen (Vương quốc Anh) hợp tác thực hiện.

<sup>6</sup> Trung tâm Vệ tinh Quốc gia, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thực hiện.

<sup>7</sup> Theo tính toán của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ KH&CN.

triển mới của nền kinh tế, giai đoạn chuyển đổi từ phát triển dựa vào các yếu tố nguồn lực tài nguyên sang phát triển dựa vào năng suất và hiệu quả, khi thu nhập bình quân đầu người chuẩn bị chạm mốc 2.000 USD/người và đang dần tiến đến mốc 3.000 USD/người.

### **2.3. Về xây dựng năng lực nghiên cứu**

*Về số lượng cán bộ nghiên cứu:* kết quả điều tra của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia cho thấy, đội ngũ cán bộ nghiên cứu ở nước ta đã tăng lên đáng kể. Tính đến hết năm 2012, tổng số cán bộ nghiên cứu đạt trên 105.200 người, trong đó số cán bộ làm việc ở viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức sự nghiệp khác là 79.100 người<sup>8</sup>. Có thể thấy, về số lượng, chúng ta đã đạt được chỉ tiêu phấn đấu về tỷ lệ cán bộ nghiên cứu/1 vạn dân của năm 2015. Đây là một điều kiện cần để Việt Nam có thể huy động sức mạnh của lực lượng nghiên cứu vào thực hiện các nhiệm vụ KH&CN mà nhu cầu phát triển kinh tế theo chiều sâu, dựa vào năng suất và chất lượng đòi hỏi.

*Về năng lực của tổ chức KH&CN:* cũng theo thống kê và xếp hạng của tổ chức SCOPUS<sup>9</sup>, Việt Nam hiện có 04 tổ chức được SCOPUS xếp hạng là: Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách Khoa Hà Nội. Trong đó, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam được coi là tổ chức KH&CN mạnh nhất Việt Nam, có thứ hạng 558 trong các tổ chức KH&CN khu vực châu Á, và thứ 1748/2744 tổ chức KH&CN trên toàn thế giới.

Như vậy, sau hai năm thực hiện Chiến lược, bước đầu mới có 04 tổ chức KH&CN đạt được trình độ khu vực Đông Nam Á. So sánh các tổ chức KH&CN có xếp hạng cao trong khu vực ASEAN thì Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đứng hàng thứ tư sau Singapore, Malaysia, Thái Lan và bằng Indonesia, trên Philippines và các nước còn lại. Đây cũng là tiền đề tốt để giúp chúng ta có thể đạt được mục tiêu đến năm 2000, KH&CN Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới, hình thành các tổ chức nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đủ khả năng giải quyết những vấn đề trọng yếu quốc gia đặt ra cho KH&CN.

## **3. Các khó khăn, thách thức trong triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ**

### **3.1. Về thực hiện một số chỉ tiêu Chiến lược**

Một số chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược có khả năng khó đạt được, ảnh hưởng đến vai trò động lực then chốt của KH&CN đối với việc nâng cao

<sup>8</sup> Tính trung bình, cứ 1 vạn dân có 11,7 cán bộ nghiên cứu, trong đó có 8,8 cán bộ thực sự hoạt động trong các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy và sự nghiệp khác.

<sup>9</sup> Nguồn: [www.scimagoir.com](http://www.scimagoir.com)

năng lực cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể là:

- a, Chỉ tiêu về tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị: có xu hướng giảm từ 10,33% năm 2011 còn 6,8% vào năm 2012 do tình hình kinh tế khó khăn, dẫn đến sự sụt giảm đầu tư công và đầu tư của xã hội cho KH&CN<sup>10</sup>;
- b, Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao tăng chậm: năm 2010 là 19,81% và năm 2011 là 20,47%. Nếu không có quyết sách mới và quyết tâm cao thì khó có thể đạt 45% giá trị sản xuất công nghệ vào năm 2020.

### **3.2. Về sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước**

Có thể nói, trong 2 năm qua, đã có rất nhiều chủ trương, chính sách mang tính đột phá từ khâu: xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước, chế độ tài chính, sử dụng và trọng dụng cán bộ được đề xuất trong Chiến lược phát triển KH&CN và quy định trong Luật KH&CN năm 2013, đòi hỏi các bộ, ngành, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN thay đổi tư duy, nhận thức và hành động để hiểu và thực hiện đúng theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6, Khóa XI, của Luật KH&CN và Chiến lược phát triển KH&CN.

Sự thiếu đồng bộ và chậm sửa đổi các quy định hiện hành trong các lĩnh vực khác (tài chính, nội vụ) so với quy định mới trong Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản hướng dẫn làm cho sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN chưa nhịp nhàng, đôi khi chậm trễ, ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức thực hiện Chiến lược và đến mức độ đóng góp của KH&CN đối với phát triển kinh tế - xã hội. Có thể đưa ra một số dẫn chứng sau:

- a, Việc huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN còn rất khó khăn do sự trói buộc về cơ chế.

Trên thực tế, một số doanh nghiệp lớn của Việt Nam ví dụ như Viettel, Dầu khí,... đã có đủ khả năng dành hàng ngàn tỷ đồng/năm để đầu tư cho KH&CN. Vấn đề là cần có cơ chế tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp khi sử dụng vốn đầu tư cho KH&CN này để phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh của mình. Bởi xét cho cùng khoảng 3/4 số tiền để lại đầu tư cho KH&CN từ lợi nhuận trước thuế thuộc phần tiền do doanh nghiệp đóng góp. Trong khi đó, với tổng đầu tư từ ngân sách nhà nước có hạn, khả năng huy động nguồn vốn từ xã hội hạn chế dẫn tới mức đầu tư cho 1 cán bộ nghiên cứu rất thấp (chỉ bằng 1/10 mức

<sup>10</sup> Chỉ tiêu đề ra trong Chiến lược là 10-15% cho giai đoạn 2011-2015 và trên 20% cho giai đoạn 2016-2020.

đầu tư của Thái Lan, 1/20 của Malaysia và Singapore) đã ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất lao động và kết quả đầu ra của hoạt động nghiên cứu<sup>11</sup>.

- b, Có sự mất cân đối lớn giữa mức đầu tư thực tế từ ngân sách với nhu cầu tập trung đầu tư xây dựng tiềm lực, đầu tư cho các chương trình, nhiệm vụ trọng điểm quốc gia và các hướng công nghệ ưu tiên.

Tổng đầu tư từ ngân sách cho KH&CN một năm cho cả hệ thống KH&CN Việt Nam hiện nay vào khoảng trên dưới 1 tỷ USD, chỉ gấp 2 lần số tiền đầu tư mà Hàn Quốc dành cho một viện nghiên cứu về điện tử và viễn thông (năm 2010, Viện ETRI có ngân sách trên 500 triệu USD để chi cho hoạt động nghiên cứu của 1.900 cán bộ) hay Đài Loan dành cho Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp (năm 2011, Viện ITRI nhận trên 600 triệu USD để chi cho hoạt động nghiên cứu của 5.780 cán bộ). Chính việc đầu tư tới ngưỡng đã góp phần làm cho Viện ETRI hàng năm có được khoảng 260 công bố quốc tế, 3.720 patent và chuyển giao trên 250 công nghệ<sup>12</sup>; Viện ITRI có 1.715 patent và chuyển giao được 590 công nghệ trong năm 2012.

- c, Chế độ chính sách đãi ngộ nhà khoa học còn rất thấp

So sánh với các ngành khác, mức độ trọng dụng cán bộ trong ngành KH&CN còn thấp, dẫn đến việc chảy máu chất xám ra khỏi lĩnh vực KH&CN. Nguyên nhân cơ bản là:

*Thứ nhất*, do cơ chế sử dụng nhân lực KH&CN hiện nay còn chủ yếu dựa trên tư tưởng bình quân, cào bằng, rất khó thực hiện mức đãi ngộ vượt khỏi khuôn khổ chính sách hiện hành.

*Thứ hai*, cơ chế tài chính hiện hành chưa tạo được sự khác biệt để khuyến khích và trọng dụng những tài năng KH&CN.

### **3.3. Nhận thức của các ngành, các cấp về khoa học và công nghệ khác nhau dẫn đến sự phối hợp trong hành động chưa cao**

Mặc dù vai trò của KH&CN đã được nhấn mạnh trong các văn bản của Đảng và Nhà nước, nhưng nhận thức của các ngành, các cấp về KH&CN còn khác nhau. Do đó, việc triển khai Chiến lược còn không đồng đều, đôi khi mang tính hình thức. Trên thực tế, sự thừa nhận của xã hội, sự chia sẻ

<sup>11</sup> Trên thực tế, chi cho R&D trên cán bộ nghiên cứu ở nước ta còn rất khiêm tốn so với các nước trong khu vực: năm 2010 là 9.500USD/1 nhà nghiên cứu. Trong khi đó, con số này ở Philippine: 52.370USD/1 nhà nghiên cứu, Thái Lan: 81.764USD/1 nhà nghiên cứu (năm 2008), Malaysia: 208.857USD/1 nhà nghiên cứu (năm 2008), Singapore: 217.431USD/1 nhà nghiên cứu (năm 2008).

<sup>12</sup> Nguồn: ETRI.re.kr và ITRI.org.tw

của các ngành, các cấp cùng chung vai tháo gỡ các khó khăn về cơ chế tổ chức và hoạt động KH&CN còn chưa cao.

#### **4. Một số đề xuất và kiến nghị**

##### ***4.1. Tiếp tục chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, triển khai mạnh mẽ cơ chế hỗ trợ của Nhà nước cho hoạt động đổi mới công nghệ ở doanh nghiệp***

Song song với việc tạo môi trường kinh tế thị trường cạnh tranh lành mạnh để doanh nghiệp nhìn thấy lợi ích thiết thực trong việc đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh đối với sản phẩm, hàng hóa của mình, một mặt, Nhà nước cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp được nhập khẩu, tiếp nhận và nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới; Mặt khác, Nhà nước sẵn sàng chia sẻ rủi ro trong nghiên cứu và hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình nghiên cứu đổi mới công nghệ. Việc tập trung đầu tư vốn cho các Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia về Phát triển công nghệ cao, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia,... trong thời gian tới sẽ tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp được hỗ trợ, chia sẻ rủi ro trong hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm công nghệ, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực KH&CN cũng như được vay vốn để đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của mình.

##### ***4.2. Khắc phục sự chậm trễ trong phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ***

- a, Nhanh chóng tháo gỡ các bất hợp lý trong quy định về tài chính đối với các khoản đầu tư cho KH&CN từ doanh nghiệp;
- b, Tạo sự chủ động trong đề xuất dự toán, kiến nghị điều chỉnh cơ cấu và tỷ lệ chi ngân sách KH&CN (giữa trung ương và địa phương; giữa chi sự nghiệp và đầu tư phát triển) cho Bộ KH&CN. Việc giao quyền cho Bộ KH&CN trong đề xuất dự toán và điều chỉnh cơ cấu chi cho KH&CN sẽ tạo điều kiện cho việc chủ động tập trung vốn đầu tư cho xây dựng tiềm lực, đầu tư cho các chương trình, nhiệm vụ trọng điểm quốc gia và các hướng công nghệ ưu tiên đáp ứng các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong Chiến lược. Các Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia về Phát triển công nghệ cao, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia,... sẽ tạo ra các đột phá trong việc phát triển các ngành nghề mới, sản phẩm mới đạt thương hiệu quốc gia, có tính cạnh tranh cao.

### **4.3. Tiếp tục nâng cao nhận thức, tạo vị thế xã hội cho những người hoạt động khoa học và công nghệ**

- a, Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các bộ, ngành, địa phương và toàn xã hội về thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN.
- b, Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức để các bộ, ngành và địa phương thực sự hiểu, chia sẻ và nhận thức đúng về KH&CN, từ đó đưa tinh thần của Chiến lược vào nội dung các chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ của bộ, ngành mình.
- c, Đối với cán bộ quản lý tổng hợp, cần có chỉ đạo sát sao để phối hợp ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật KH&CN và các Nghị định kèm theo, hỗ trợ việc chia sẻ, trao đổi thông tin số liệu phục vụ cho các tính toán chỉ tiêu định lượng của Chiến lược.
- d, Về sử dụng, trọng dụng cán bộ:
- e, Ngoài việc đãi ngộ về vật chất (lương, cơ chế thù lao đặc thù,...) cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trao quyền tự quyết cho các nhà khoa học gắn với trách nhiệm thực hiện, trước mắt đối với các nhà khoa học đầu ngành, các nhà khoa học thực hiện nhiệm vụ quốc gia và các nhà khoa học trẻ tài năng,...
- f, Phát động phong trào dẫn thân vào KH&CN:
- g, Thái độ trọng thị đối với các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học có ảnh hưởng rất lớn đến việc tận tâm, tận lực phục vụ đất nước của nhà khoa học cũng như thu hút được giới trẻ dẫn thân vào con đường khoa học vốn rất cam go và chông gai. Bài học thu hút nhân tài của Bác Hồ khi mới thành lập nước mời các tri thức Việt kiều về nước xả thân cống hiến cho đất nước vẫn còn nguyên giá trị. Việc sử dụng, trọng dụng nhân tài luôn luôn đòi hỏi ý chí quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự cam kết của Nhà nước, bắt đầu từ các nhà lãnh đạo cấp cao nhất.

### **4.4. Tăng cường tính chủ động phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020**

Các bộ, ngành địa phương cần tiếp tục nâng cao nhận thức, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các định hướng nhiệm vụ phát triển nhiệm vụ KH&CN nêu trong Chiến lược, tăng cường phương thức đặt hàng để gắn nhiệm vụ KH&CN với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Các bộ quản lý tổng hợp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ) cần phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN trong việc tổ chức thực hiện mục tiêu của Chiến lược, trong phân tích, đánh giá mức độ đạt được mục

tiêu; trong tổ chức thực hiện các giải pháp của Chiến lược, đặc biệt là các quy định về đầu tư, phân bổ dự toán ngân sách theo kết quả, theo các chương trình trọng điểm quốc gia, coi trọng về cơ chế tài chính cho doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN, cũng như cho các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ chủ trì các nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Văn kiện Đại hội toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam.
2. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020.
3. Nghị quyết số 20-NQ/TW về Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” được thông qua tại Hội nghị Trung ương 6, khóa XI ngày 01/11/2012.
4. Nghị quyết 46/NQ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012.
5. Luật KH&CN năm 2013 (Luật số 29/2013/QH13) được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2013.
6. Tổng hợp các báo cáo từ 21 bộ, ngành và 63 địa phương.
7. Tổng hợp các báo cáo của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ KH&CN.
8. [www.scimagojr.com](http://www.scimagojr.com)
9. [www.re.kr](http://www.re.kr)
10. [www.itri.org.tw](http://www.itri.org.tw)

